

Các loại hình tín ngưỡng liên quan đến nghề nghiệp của người Việt ở Quảng Nam và giá trị của nó trong đời sống hiện nay

- Lê Thu Huyền
- Trần Thị Ngọc Ny

Trường ĐH Nội vụ Hà Nội cơ sở miền Trung

TÓM TẮT:

Bài viết đi vào phân tích các loại hình tín ngưỡng liên quan đến nghề nghiệp của người Việt ở Quảng Nam đó là tín ngưỡng liên quan đến nghề nông, tín ngưỡng liên quan đến ngư nghiệp, tín ngưỡng liên quan đến nghề thủ

công truyền thống (nghề mộc, nghề gốm). Qua việc khảo tả các đặc điểm tín ngưỡng, chúng tôi sẽ làm sáng tỏ ảnh hưởng của tín ngưỡng nghề nghiệp trong đời sống tinh thần của con người xứ Quảng nói chung.

Từ khóa: loại hình, giá trị, tín ngưỡng, người Việt, Quảng Nam

1. Đặt vấn đề

Tín ngưỡng là một thành tố vô cùng quan trọng của văn hoá truyền thống, nó được hình thành dựa trên “đức tin, niềm tin của con người và của cộng đồng người vào một cái thiêng, cái cao cả, cái đáng sùng kính trong thế giới người hoặc thế giới siêu nhiên nào đó”¹. Bởi vậy, tín ngưỡng là một hiện tượng văn hóa tinh thần phản ánh ước vọng thiêng liêng của con người đối với cuộc sống hiện hữu, đồng thời nó cũng thể hiện được mối quan hệ giữa con người với thế giới tự nhiên và các mối quan hệ xã hội. Vì thế, tín ngưỡng giữ một vai trò quan trọng trong đời sống của cộng đồng.

Bởi vì tín ngưỡng là một thành tố vô cùng quan trọng của văn hoá truyền thống. Cho nên nghiên cứu tín ngưỡng của người Việt ở Quảng Nam là nghiên cứu một phức hệ bao gồm nhiều nhân tố hiện gắn bó thiết thực với đời sống tinh thần của người địa phương, thể hiện trong sinh hoạt gắn với vòng đời người (việc sinh, dưỡng, tang, cưới, mừng thọ...), với sinh hoạt cộng đồng (liên quan

đến gia đình, dòng họ, làng xóm) và tín ngưỡng liên quan đến nghề nghiệp (nghề nông, nghề đánh cá, nghề mộc, nghề gốm, nghề tiểu thương...).

Trong bài viết này, chúng tôi sẽ làm rõ các loại hình tín ngưỡng liên quan đến nghề nghiệp của người Việt ở Quảng Nam ở các nội dung nguồn gốc tín ngưỡng, thực hành tín ngưỡng và đặc biệt khảo cứu ảnh hưởng của tín ngưỡng đó đối với đời sống cư dân Quảng Nam như thế nào.

2. Các loại hình tín ngưỡng liên quan đến nghề nghiệp của người Việt ở Quảng Nam

2.1. Tín ngưỡng liên quan đến sản xuất nông nghiệp

2.1.1. Tín ngưỡng liên quan đến nghề trồng lúa

Người Việt ở Quảng Nam canh tác lúa nước hai vụ một năm đó là vụ Chiêm (hay còn gọi là vụ hè thu) và vụ mùa Mùa (hay còn gọi là vụ đông xuân). Người dân ai cũng mong cầu có một vụ mùa bội thu nên từ thửa sơ khai, trước mùa gieo cấy người dân tổ chức lễ xuống đồng. Lễ được tổ chức ở cánh đồng, nơi có địa thế cao, thuận lợi. Hương án được thành lập 03 bàn: bàn chính giữa lớn nhất là nơi thờ Thần Nông; hai bàn nhỏ hơn thờ Thủy Thần và

¹ Nguyễn Tri Nguyên (2004), tr.28.

Thổ Thần. Trong lễ này, không thể thiếu 02 vật dụng là trâu và cày – được chọn từ những gia đình làm ăn phát đạt, trâu mạnh khỏe. Sau lễ, người chủ lễ sẽ đem trâu xuống đám ruộng được chọn cày mấy đường. Ý nghĩa của lễ là nhằm cầu cho mùa vụ được thuận lợi, bội thu. Đây là một nghi lễ mang đậm nét tín ngưỡng của ngư dân nông nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay nó không còn được lưu giữ và chỉ thực hiện mang ý nghĩa hình thức trong những dịp lễ lớn.

Sau khi vụ mùa kết thúc, những hạt lúa mới được đem ra nấu để làm lễ cúng cơm mới. Ý nghĩa của lễ này là tạ ơn Thần Nông – Người khai canh, vỡ đất, cai quản ruộng đồng. Bên cạnh đó, còn bày tỏ lòng biết ơn tổ tiên và các vị thần sở tại (Thành Hoàng bốn xứ, các vị Tiền hiền, Hậu hiền, các đấng thần linh...) đã bảo vệ mùa màng tươi tốt, đem lại cuộc sống bình an, no đủ cho người dân. Lễ vật cúng cơm mới chính là những hạt lúa gặt về được phơi khô, xay/máy, lấy gạo nấu cơm để cúng. Một mâm cơm cúng gồm khoảng 04 đến 06 chén cơm in, trên có muối mè hoặc muối đậu, hương đèn, hoa quả, rượu – đây là những lễ vật không thể thiếu trong lễ cúng cơm mới. Sau lễ cúng cơm mới, người dân mới sử dụng loại lúa mới thu hoạch này. Có thể nói, tín ngưỡng cúng cơm mới thể hiện được giá trị đạo đức tốt đẹp “uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây” ăn sâu vào đời sống người Việt làm nông nghiệp ở Quảng Nam.

Nằm trong hệ thống nghi lễ tín ngưỡng nông nghiệp còn có lễ cúng mục đồng. Cúng mục đồng là lễ lệ truyền thống của cư dân nông nghiệp Hội An nói riêng và của cư dân Việt nói chung, là nét đẹp văn hóa tín ngưỡng mang tính cộng đồng cao. Nguồn gốc của tín ngưỡng này xuất phát từ quan niệm: “Con trâu là đầu cơ nghiệp”. Từ những quan niệm đó nên từ xưa, nhằm tri ân, tưởng nhớ đến công lao của những người nuôi dưỡng, chăn dắt những động vật thân quen được coi như là lực lượng sản xuất chính của nghề nông, đó là trâu, bò. Đồng thời, nhằm cầu mong cho trâu, bò, gia súc khỏe mạnh, tránh được dịch bệnh để phục vụ cày

cày của nhà nông, hàng năm theo lệ thường (cứ sau vụ thu hoạch lúa Đông - Xuân khoảng tháng 3 âm lịch và để chuẩn bị cho vụ mùa mới, các cụ cao niên trong làng họp lại để chọn ngày cúng) gọi là cúng mục đồng (mục đồng là người chăn dắt trâu, bò).

Lễ cúng diễn ra vào lúc buổi chiều, với sự tham gia của một số bộ lão trong xóm cùng với những người làm ruộng, nuôi trâu. Lễ vật chính gồm: Hương, đèn, hoa quả, trâu cau, rượu, nước lã, đồ thổ thần, xôi, cơm (gồm có 4 hoặc 6 chén cơm in trên có bỏ muối đậu hoặc muối mè), thịt heo... Cũng giống một số lễ cúng khác, tham gia trong ban tế lễ gồm có: một người xướng, một chánh tế (phải là người có uy tín, cao tuổi trong xóm), một người đọc văn tế và hai phụ tế. Gồm có 4 bàn lễ vật: một bàn cúng cô bác, bàn giữa là bàn cúng Thần Nông, hai bàn tiền hiền, hậu hiền hai bên. Sau khi trưng lễ vật ra bàn, lễ cúng bắt đầu dưới sự điều hành của chủ xướng, sau khi bài văn tế kết thúc thì mọi người tham gia lễ cúng vào cúng vái, nhằm cầu mong cho vụ mùa sau được bội thu.

Có thể thấy, trồng lúa là một nghề quan trọng trong hoạt động sinh hoạt vật chất của người Việt ở Quảng Nam. Bởi vậy, những tín ngưỡng liên quan đến nghề này rất được người nông dân coi trọng. Họ gửi gắm nguyện ước của mình thông qua thực hành tín ngưỡng nhằm đem lại một vụ mùa bội thu, đời sống người dân thuận hòa, sức cố kết cộng đồng được nâng cao.

2.1.2. Tín ngưỡng liên quan đến nghề trồng rau

Ngoài trồng lúa là nghề chính của cư dân Việt truyền thống, thì trồng rau cũng là một trong những nghề đem lại thu nhập cho người Việt ở Quảng Nam nói chung, trong đó ở Hội An phải kể đến làng rau Trà Quế.

a. Đặc điểm tự nhiên và nguồn gốc dân cư

Làng rau truyền thống Trà Quế thuộc xã Cẩm Hà, thị xã Hội An (Quảng Nam), có vị trí như một cù lao sông nước bởi nó được bao bọc bởi sông Đế Võng và đầm Trà Quế xung quanh, là điều kiện tưới tiêu rất cần thiết và tốt cho trồng rau. Đầm Trà

Quế cũng là nơi sản sinh ra lượng rong lớn để nông dân làm phân bón rau rất tốt. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển nghề trồng rau từ bao đời nay.

Về lịch sử người Việt tại vùng đất này được các bô lão ở Trà Quế kể rằng: cách đây gần 400 năm nằm trong dòng chảy Nam tiến, những cư dân gốc Thanh Hóa đã vào đây lập nghiệp, với 04 tộc họ đầu tiên: Phạm, Mai, Nguyễn, Lê. Họ đến đây và khai canh trồng rau². Qua phỏng vấn sâu nhân chứng trồng rau tại làng chúng tôi càng khẳng định được lịch sử của làng rau này.

b. Đặc điểm tín ngưỡng liên quan đến nghề trồng rau

Tín ngưỡng quan trọng nhất đối với làng rau Trà Quế là lễ cúng cầu bông mừng 07 tháng Giêng hàng năm nhằm cầu mong cho cây trái được đơm bông, kết trái, cuộc sống của nông dân được bình an, sung túc.

Địa điểm cúng cầu bông hiện nay là tại Miếu Xóm làng rau. Đây được xem là vị trí trung tâm của làng. Ngoài ra, mỗi tổ cũng có một miếu nhỏ để cúng riêng, sau khi đã cúng lễ chính tại Miếu Xóm trong ngày mừng 07.

Lễ vật cúng gồm: Mâm xôi màu hồng (lấy màu bằng lá kim long), gà trống, hương đèn, hoa quả, trà rượu, vàng mã... Lễ cúng bắt đầu từ 7 giờ đến 10 giờ ngày mừng 07. Tiến hành cúng có đội gia lễ gồm: Ông xướng (người điều hành nghi thức lễ); Chủ tế (là người cúng chính ở bàn thờ giữa, người này đã được bầu chọn từ trước khi lễ cúng diễn ra, là người cao tuổi, có uy tín, hợp năm tuổi, không mắc tang...); Tả hữu phân hiến (hai người cúng ở bàn thờ hai bên); Học trò lễ (là những người dâng rượu, dâng hương); ngoài ra còn có đội bát âm lo phần nhạc lễ. Khi cúng vái, ngoài phần giới thiệu tên đất tên làng, lễ vật dâng lên, người ta còn khấn vái Thần Nông, Thành Hoàng Bôn Xứ đất Trà Quế và những bậc lão làng của nghề trồng rau đã quá cố để tỏ lòng thành kính ghi nhớ công ơn. Sau khi đã

cúng xong tại Miếu Xóm, người ta về nhà cúng cầu Bông tại nhà riêng.

Có thể thấy rằng, tín ngưỡng cúng cầu bông tại làng rau Trà Quế nằm trong hệ thống tín ngưỡng của cư dân Việt ở Quảng Nam. Nó thể hiện được đời sống tinh thần sâu đậm phong phú của người dân nơi đây và tinh thần cố kết cộng đồng đậm nét.

2.2. Tín ngưỡng liên quan đến ngư nghiệp

Hiện nay, các làng xã ven biển Quảng Nam tính từ Bắc vào Nam thuộc các huyện, thành phố: Điện Bàn, Hội An, Duy Xuyên, Thăng Bình, Tam Kỳ, Núi Thành. Cộng đồng ngư dân ven biển Quảng Nam lấy biển làm nguồn sống, xem biển là người bạn đồng hành trong cuộc sống mưu sinh qua nhiều thế hệ. Đồng thời, họ cũng xây dựng cho mình hệ giá trị tinh thần về tín ngưỡng, tâm linh liên quan đến nghề biển rất đậm nét. Căn cứ vào các cơ sở thờ cúng qua quá trình điền dã dân tộc học, chúng tôi thấy rằng tín ngưỡng thờ Cá Ông và hệ thống nghi lễ được tiến hành trong lễ hội cầu ngư là tín ngưỡng quan trọng nhất đối với cộng đồng ngư dân biển ở Quảng Nam.

a. Nguồn gốc tín ngưỡng

Thờ Cá Voi vốn là tín ngưỡng của cư dân Champa cổ. Theo truyền thuyết của người Chăm, Cá Voi là hóa thân của vị thần Sóng biển tên là Cha Aih Va. Thời trẻ Cha Aih Va được cha mẹ cho theo thầy học phép thuật. Sau một thời gian dài tu luyện trên núi, ngài trở thành người có phép thuật cao cường. Vì nóng lòng trở về xứ sở, nhưng thầy của ngài cho rằng chưa đủ thời gian tu luyện, nên ngài đã cãi lời thầy, tự hóa thành Cá Voi, lần theo sông lớn tìm ra biển. Trải qua hoạn nạn như bị thầy phạt tội, bị các loài thủy tộc hành hình, bị biến thành thiên nga, Cha Aih Va trở lại hình dáng con người, thượng đế đã cho ngài biến thành vị thần cứu nạn, danh xưng là Pô Riak - tức thần Sóng biển³.

Đối với cư dân Việt, Cá Voi là một loại cá biển lớn, là loài động vật có vú, nuôi on bằng sữa và thờ

² Trung tâm quản lý bảo tồn di tích Hội An (2008), *Nghề truyền thống Hội An*, tr.230.

³ Nguyễn Minh San (1994), tr.95.

bằng phổi, sống nơi biển khơi. Tuy là động vật nhưng cá voi có “cá tính từ thiện”⁴ hay giải cứu cho người khi đi biển mắc nạn, thường nâng đỡ thuyền bè chống sóng cả gió lớn. Đây chính là cơ sở thực tế của sự thiêng hóa một sinh vật hiền lành nơi biển cả thành một vị ân nhân, phúc thần của người đi biển.

b. Lễ lệ

Lễ Cầu Ngư được tổ chức nhằm bày tỏ lòng thành kính của ngư dân với Thần Nam Hải, cầu mong sự che chở, một mùa bội thu và xua đi mọi điều xấu. Thời gian tổ chức Lễ Cầu ngư diễn ra vào nhiều thời điểm khác nhau ở mỗi địa phương. Trong quá trình khảo sát, chúng tôi đã chọn làng vạ chài Cửa Đại là đối tượng nghiên cứu, Lễ Cầu ngư ở đây diễn ra trong 02 ngày chính đó là 16/02-17/02 âm lịch hàng năm.

Lễ Cầu Ngư thường được tổ chức ở ngay cửa biển, bên bãi biển hoặc trong Lăng Ông. Trước khi tiến hành lễ hội, các ngư dân trong làng, xóm phải họp lại để bầu ra một ban tế lễ, gồm các vị cao niên, đức độ trong làng, không vướng tang sự trong năm. Ban tế lễ gồm 2 vị chánh bái, 2 vị xướng (Đông xướng, Tây xướng), 2 vị đọc văn tế, 2 vị đánh chiêng cổ, 1 đội nhạc lễ và một đội học trò lễ (gồm 4 người).

Chiều ngày 15 tháng 02 sẽ tiến hành trang trí rạp cúng, chung quanh rạp có cấm cờ gồm cờ vuông, cờ đuôi nheo và cờ cúng, Ban thờ hành lễ có chánh ban và tả, hữu ban. Trong chiều ngày 15, diễn ra Lễ Túc, lễ cúng bao gồm có kim ngân, hương đăng, hoa quả, trà rượu. Mục đích của lễ này là báo cáo với thần những việc sẽ làm trong dịp lễ đồng thời cầu xin Thần Nam Hải báo ứng cho vạ chài điềm lành dữ trong năm.

Sáng sớm ngày 16 tháng 02, nghi thức đầu tiên thường là lễ Nghinh Thần - đây là một nghi thức quan trọng thể hiện tính cộng đồng cao. Thường có đoàn rước gồm có chánh bái, 4-5 người cầm cờ, 4 người khiêng bàn hương án, các người khiêng và

đánh chiêng, trống, ngoài ra còn nhiều vị cao niên trong lễ phục theo đoàn rước. Lễ vật cúng gồm có một bát hương, hoa, chuối và vàng bạc giấy tiền. Đoàn rước khởi hành từ Lăng Ông, chia thành hai đội, một đội chạy thuyền ra biển để nghênh các vị thần dưới biển mời về lăng dự lễ; một đội trên bờ cũng đi đến các lăng, miếu, điện nghênh các vị thần về Lăng. Thời gian của lễ Nghinh thần diễn ra trong khoảng 02 giờ đồng hồ.

Tiếp đến là tiến hành lễ tế âm linh tại Lăng. Đây là lễ cúng các oan hồn đã khuất, lễ vật gồm: Bát cháo thánh (cháo trắng), khoai lang luộc, đường cục (đường bát cắt cục), bát gạo muối, trâu cau, rượu cùng hương đèn và đồ vàng mã. Bắt đầu vị chánh bái gõ ba hồi mõ sau đó dâng tuần rượu và đọc văn tế. Nội dung văn tế âm dương thể hiện sự thương yêu cho những kẻ bất hạnh, khốn khổ đã khuất.

Sau lễ âm linh là lễ tế chính - đây là chính lễ của hội Cầu Ngư. Lễ vật cúng gồm thịt heo luộc (hoặc heo quay), hoa quả, giấy tiền, vàng bạc...Phần lễ đủ nghi thức lễ cúng (gồm sơ hiến lễ, á hiến lễ, chung hiến lễ), trong đó có đọc văn tế ca ngợi công đức của Thần Nam Hải, cầu xin Thần ban cho một vụ mùa bội thu.

c. Lễ hội

Tối ngày 16 sẽ diễn ra đêm hát bả trạo. Đây là hình thức diễn xướng vừa mang tính nghi lễ vừa mang tính hội hè của lễ hội Cầu Ngư. Đội hình bả trạo từ 12 đến 18 người (thường là 18 người, tối đa 20 người), bao gồm các con trạo (tay chèo) dưới sự chỉ huy của các ông tổng gồm: tổng mũi, tổng thương, tổng lái và tổng khậu, tất cả được xếp theo hình một chiếc thuyền rồng. Đây là một hình thức diễn xướng tập thể trên cạn. Màn hát múa được trình diễn bởi các ông tổng. Tổng mũi (còn gọi là tổng tiền), tổng khoang (còn gọi là tổng thương), tổng khậu (còn gọi là tổng khẩu - lo việc nấu nướng) và người chỉ huy con thuyền là tổng lái. Về trang phục, tổng lái trong trang phục cổ truyền - áo dài đen, quần dài trắng, cầm chèo dài để lái độ 2m, tổng mũi trang phục như một vị tướng trong hát

⁴ Nguyễn Minh San (1994), tr.92.

bội cảm cặp sênh điều khiển, tổng khoang mặc áo ba màu hoặc áo có hình lát chả, quần ngắn, tay cầm gàu tát nước, tổng khẩu khăn quàng vắt vai mặc đồ ngư dân hàng ngày, tay cầm cần câu cá...Lời hát và động tác múa diễn tả lại quá trình đi biển, từ lúc thuyền ra khơi cho đến khi về bến, trong hành trình đó có lúc phải vất vả chống chọi giông tố, sóng gió mịt mù, thuyền chòng chành chực chìm đắm, có lúc trời quang biển lặng để thả lưới, buông câu. Nội dung xuyên suốt là tạ ơn và ca ngợi công đức Ông Nam Hải, xin Thần ban cho vạn chài sự bình yên, cuộc sống no ấm, hạnh phúc.

Sáng sớm ngày 17 tháng 02, diễn ra hội đua thuyền của các xã, phường làm nghề biển. Hội đua thuyền diễn ra rất hào hứng, thể hiện được sức mạnh của con người trước một mùa ra quân đánh bắt thủy hải sản.

Ngoài ra, phần hội trong lễ hội cầu ngư còn có nhiều hình thức vui chơi, giải trí như hội đua ghe, thi lắc thúng chai, kéo co và một số trò chơi dân gian miền biển khác.

Có thể nói, tín ngưỡng thờ Cá Voi không chỉ đơn thuần là sự thực hành tín ngưỡng mà còn là biểu hiện việc ứng xử của con người trong quan hệ với Thần (Cá ông) – Người (thể hiện qua lễ cúng cô hồn) – Biển (mối quan hệ gắn kết cộng đồng thông qua lễ hội).

2.3. Tín ngưỡng liên quan đến nghề thủ công

2.3.1. Nghề góm Thanh Hà

a. Nguồn gốc tín ngưỡng

Làng nghề góm nằm cách trung tâm phố cổ Hội An khoảng 3km về phía Tây nay thuộc khối phố Nam Diêu, phường Thanh Hà. Làng góm Thanh Hà được hình thành vào khoảng thế kỷ XVI do các dòng họ Nguyễn Văn, Nguyễn Viết, Ngụy, Bùi, Lê... di cư từ Thanh Hoá đến Thanh Hà lập nên. Những vị tiền nhân có công lập nên làng, nghề đã được hậu thế làng góm Thanh Hà suy tôn là Tổ nghề góm của làng⁵.

Từ bao đời nay, làng góm Thanh Hà chuyên chế tác và cung cấp các loại góm sành gia dụng, tín ngưỡng, gạch, ngói cho người tiêu dùng Hội An, Quảng Nam và cả ở các tỉnh duyên hải Nam Trung bộ. Trải qua nhiều thế kỷ, các thế hệ thợ góm Thanh Hà đã làm cho nghề góm Thanh Hà trở nên phát triển. Hiện nay, ở Nam Diêu - Thanh Hà đang có 23 hộ làm góm, một số hộ vẫn còn bảo tồn được kỹ thuật chế tác góm bằng bàn bên cạnh đó còn tiếp thu kỹ thuật sản xuất để tạo hình những sản phẩm mỹ nghệ.

Song hành với sự phát triển của nghề góm, cư dân làng góm Thanh Hà còn thiết lập các di tích tín ngưỡng truyền thống của thôn ấp và của làng nghề đó là khu miếu Tổ nghề góm tại khối phố Nam Diêu, phường Thanh Hà gồm miếu Tổ nghề góm có phối thờ Thổ thần và Ngũ hành tiên nương (được xây dựng năm 1868), miếu Thái giám (được xây dựng vào thời vua Thiệu trị giai đoạn từ 1841-1847), miếu Âm linh (được xây vào thời vua Thành Thái trong giai đoạn từ 1889-1907), miếu Sơn tinh. Tại đây, hàng năm thường diễn ra hai lễ tế lớn là tế Tổ nghề mở đầu một năm sản xuất mới hay còn gọi là tế xuân vào mùng 10 tháng Giêng âm lịch và lễ tế tổ vào ngày mùng 10 tháng 7 âm lịch hay còn gọi là lễ tạ một năm sản xuất.

b. Đặc điểm tín ngưỡng

Tín ngưỡng thờ cúng tổ nghề không chỉ có ý nghĩa về mặt tâm linh đối với những người làm nghề góm, đây còn là một tín ngưỡng cộng đồng thể hiện nhiều giá trị nhân văn. Tín ngưỡng thờ tổ nghề góm đã trở thành một nét văn hóa truyền thống in đậm trong đời sống người dân làng góm nói riêng, người dân xứ Quảng nói chung.

*** Lễ tế Tổ vào ngày mùng 10 tháng Giêng**

Để chuẩn bị cho lễ tế Tổ, vào ngày 6 tháng Giêng các bô lão trong ấp họp tại miếu Nam Diêu, vận động dân làng đóng góp kinh phí tế lễ; bầu ra ban tế lễ 3 người gồm: vị chánh tế là một bô lão có uy tín trong làng, có tuổi không xung kỵ với năm âm lịch diễn ra lễ tế và hai vị phụ tế gọi là tả hữu phân hiến; phân công người viết văn tế, mua lễ

⁵ Trích phỏng vấn Ông Nguyễn Lành – 85 tuổi, nghệ nhân góm Làng góm Thanh Hà, Khối phố Nam Diêu, Tổ 24, Phường Thanh Hà, TP. Hội An ngày 15 tháng Giêng năm 2016.

vật, phụ trách chiêng, trống... Vào sáng sớm ngày 10 tháng Giêng, nhiều thợ gốm, gạch, ngói, cũng như người dân ấp Nam Diêu cùng tập trung tại miếu Tổ chung lo việc cúng Tổ. Trước giờ diễn ra lễ, phụ nữ lo nấu đồ cúng, mua sắm lễ vật; thanh niên sắp đặt lễ vật vào các án thờ; các vị bô lão là chánh tế, người xướng, phụ tế lo kiểm tra đôn đốc mọi việc đồng thời mặc lễ phục truyền thống là áo dài khăn đóng; ban nhạc lễ cũng sẵn sàng. Mọi người đều tất bật để hoàn tất việc chuẩn bị trước 8 giờ. Đến khoảng 8 - 9h sáng (giờ thủy triều lên) lễ tế diễn ra tuần tự tại 5 hương án là Trời Đất, Tổ nghề, Thái giám, Âm linh, Sơn Tinh nhị vị, mỗi lễ tế diễn ra khoảng 40 phút và kết thúc lúc 11, 12 giờ trưa.

Bàn cúng đặt đặt ngoài sân miếu Âm linh, hướng về phía Tây Nam gồm hai tầng, tầng trên đặt các lễ vật cúng đất là hương đèn hoa, quả, bánh trái, rượu trà, xôi chè thức ăn mặn còn có một đĩa rau lang luộc một chén mắm cái để tế Man nương (tương truyền là chủ đất người Chăm - tiền nhân của vùng đất Thanh Hà), một con gà giò đã luộc chín... Đặc biệt, ở hương án này còn đặt một Long chu (làm bằng sừng tre đắp dán giấy theo hình thuyền rồng) để gom góp hết xú uế của làng. Tầng dưới đặt các lễ vật cúng những vong hồn đã khuất là cháo loãng, gạo muối, hạt nạo, kim ngân vàng bạc. Bắt đầu lễ tế, chiêng trống được gióng lên, nhạc lễ hoà tấu, sau đó vị chánh tế đến đứng trước hương án, hai vị phụ tế đứng hai bên để thực hiện các nghi thức tế lễ: kiểm soát lễ vật, rửa tay, dâng hương và lạy bái theo trình tự tế lễ là sơ hiến, á hiến và chung hiến lễ dưới sự lĩnh xướng của một bô lão khác. Trong khói hương nghi ngút, văn tế được xướng lên để cáo với Trời đất, Thành hoàng thổ địa các vị thần linh cai quản dương gian khác trong một năm, những người bất đắc kỳ tử, cầu mong các vị thần linh, âm linh phù hộ cho người dân làng gồm một năm mới an bình, may mắn, sản xuất thành công. Văn tế được xong thì được hoá vàng. Sau đó, vị chánh tế bỏ thêm một số lễ vật vào Long chu, thành kính thắp hương tống tiễn và cầu

mong Long chu sẽ đưa đi hết điềm xấu, cầu may mắn cho dân làng cho cả năm mới. Long chu được các trai tráng trong làng khiêng ra sông trong tiếng chiêng giục giã liên hồi, đến sông Thu Bồn, người ta đẩy thả Long chu trôi thật xa hoặc đốt, nếu đốt thì cố gắng đốt cháy rụi vì họ tin rằng có như vậy thì những xui rủi sẽ được tẩy trừ.

Tiếp theo, lễ tế diễn ra tại miếu Tổ nghề, đây lễ tế chính vì Tổ nghề có vai trò quan trọng đối với thợ gốm, nghiệp gốm của làng. Lễ vật cúng tổ chính là gà giò nguyên con, đầu heo, các thức ăn mặn được chế biến khác và giấy tiền vàng bạc. Lễ cũng diễn ra theo trình tự sơ hiến, á hiến và chung hiến lễ và những nghi thức đi kèm đã kể ở phần tế trời đất (trừ nghi thức tống tiễn Long chu, vải gạo muối). Do phần tế này có phối tế Tổ nghề, Thổ Thần, Ngũ Hành, các vị tiền hiền của làng, nên đối tượng tế cáo khá nhiều gồm những vị thần có liên quan đến nghề gốm là Thiên công (thợ trời), Cửu Thiên Huyền nữ (vị nữ thần được xem là tổ của nhiều nghề), Lịch đại Tiên sư, Ngũ Hành Tiên nương (theo quan niệm triết học phương Đông là năm vị nữ thần biểu trưng cho các yếu tố khởi nguồn của vạn vật và cũng gắn bó mật thiết với nghề gốm là Kim: kim loại, Mộc: gỗ, Thủy: nước, Hoá: lửa, Thổ: đất), Thổ thần và các vị tiền hiền của làng... Trong không gian thành kính của đại lễ, ban tế lễ, dân làng gồm tri ân các vị thần nghề nghiệp, ngưỡng vọng công đức các vị tiền hiền làng gốm đã có công phò giúp, gây dựng nên nghiệp gốm, hỗ trợ hậu thế phát triển nghề. Đồng thời cầu mong được phù hộ cho một năm sản xuất mới được tốt đẹp, bình an, may mắn.

Tiếp đến, dân làng lần lượt tế lễ tại các miếu Thái giám Bạch mã thượng đẳng thần - một vị thần được thờ phổ biến trong các thiết chế tín ngưỡng làng xã ở miền Trung, miếu Âm linh - thờ cô hồn, miếu Sơn tinh nhị vị theo nghi lễ truyền thống nhằm cầu mong Thái giám, Âm linh, Sơn tinh nhị vị che chở cho dân làng có được cuộc sống bình an, làm ăn may mắn.

Lễ tế kết thúc, dân làng thường xem chân gà ở bàn Tổ nghề, đoán xem mọi sự cát hung của nghề gồm trong năm mà phòng trừ. Cuối cùng là mọi người trong làng cùng vui vẻ phá cỗ, hỏi thăm nhau về những dự định nghề nghiệp trong năm, cùng chung lo phát triển nghề gồm⁶.

*** Lễ tế Tổ vào mùng 10 tháng 7 âm lịch**

Lễ này cũng được diễn ra theo trình tự, nghi thức của lễ tế tổ vào đầu xuân nhưng với mục đích khác là tạ ơn trời đất, tổ nghề, các vị thần, âm linh đã phù hộ cho dân làng có một năm sản xuất may mắn. Theo các bô lão trong làng thì lễ tế hiện có nhiều khác biệt so với cách đây khoảng 50, 60 năm về trước. Vào thời ấy, việc tế miếu được lấy nguồn ngân quỹ bán lúa của ruộng làng và tiền cúng hương của các chủ lò, chủ hộ làm gốm nên bà con không đóng góp. Đồng thời qui mô, nghi thức của lễ cũng đầy đủ hơn hiện nay. Lý do này đã được chúng tôi phỏng vấn chính những nghệ nhân làm nghề gốm từ đời này qua đời khác.

*“Vị ngày xưa, mọi thứ không xô bồ như bây giờ, mọi người chỉ quán quanh trong làng. Như nhà tôi có mấy người con trai cũng không có đứa nào học nghề này cả, chỉ có tôi và bà nhà tôi làm thôi. Hai ông bà già thì già quá rồi nên cũng chỉ làm cho khỏi nhớ nghề chứ không thể mở rộng hay phát triển ra rộng được. Buồn với nghề, với tổ tiên vì không thể truyền nghề để giữ nghề”.*⁷

Tóm lại, lễ tế Tổ nghề gốm là một sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng truyền thống thể hiện sự kết hợp chặt chẽ giữa văn hoá tín ngưỡng làng xã với tín ngưỡng nghề nghiệp. Lễ tế hiện nay có nhiều điểm khác so với trước nhưng nhìn chung vẫn bảo tồn cơ bản nghi thức tế lễ truyền thống và phản ánh đậm nét một sinh hoạt tín ngưỡng cộng đồng, nghề nghiệp khá qui mô. Lễ lệ này góp phần làm phong

phụ thêm đời sống tín ngưỡng của người Việt ở Quảng Nam.

2.3.2. Nghề mộc Kim Bồng

a. Nguồn gốc tín ngưỡng

Làng mộc Kim Bồng thuộc xã Cẩm Kim, cách trung tâm phố cổ Hội An khoảng 03km về phía Tây Nam. Tương truyền vào cuối thế kỷ XV, đầu thế kỷ XVI, những cư dân thuộc các tộc Nguyễn, Huỳnh, Phan, Trương từ vùng Bắc bộ, Bắc Trung bộ đã đến Kim Bồng dựng làng, lập nên nghề mộc Kim Bồng. Về sau, các tộc Đỗ, Bùi, Võ đến cộng cư, góp công phát triển làng xã, mở rộng quy mô nghề mộc tại đây.

Nghề mộc Kim Bồng phát triển qua nhiều thế kỷ, thợ mộc không chỉ làm nghề ở Hội An mà còn đi khắp miền Nam Trung bộ, Huế, thành phố Hồ Chí Minh sản xuất ra những mặt hàng gỗ rất phong phú, đầy tài nghệ và mỗi năm về ăn Tết xong lại đi nên từ xa xưa ngày mùng 6 tháng Giêng được chọn làm ngày tế Tổ, tế xuân tại làng, sớm hơn so với các làng khác, phù hợp đặc điểm nghề nghiệp của làng. Tín ngưỡng thờ tổ nghề rất ý nghĩa, không chỉ thể hiện được sự kế thừa những giá trị truyền thống mà còn thể hiện được sự cố kết cộng đồng rất đậm nét trong đời sống người Việt.

b. Đặc điểm tín ngưỡng thờ tổ nghề mộc

Lễ giỗ tổ nghề mộc Kim Bồng được tổ chức vào mùng 6 tháng Giêng hàng năm tại Đình tiền hiền Kim Bồng, thôn Phước Thắng, xã Cẩm Kim. Ý nghĩa của lễ này là nhằm để tưởng nhớ công ơn ông cha tổ tiên của làng đã có công xây dựng nên làng, phát triển nghề mộc và cũng để cầu cho làng có một năm mới mưa thuận gió hòa làm ăn thuận lợi. Qua phỏng vấn sâu và quan sát tham dự, chúng tôi đã nắm được trình tự của buổi lễ như sau⁸:

Lễ giỗ tổ thường bắt đầu vào 8h sáng và kéo dài trong khoảng 2h chia làm hai phần: phần lễ cúng Âm Linh ở trước sân nhà thờ được tổ chức trước, phần lễ chính thức được làm trong nhà thờ.

⁶ Trích phỏng vấn Ông Nguyễn Lành – 85 tuổi, nghệ nhân gốm Làng gốm Thanh Hà, Khối phố Nam Diêu, Tổ 24, Phường Thanh Hà, TP. Hội An ngày 15 tháng Giêng năm 2016.

⁷ Trích phỏng vấn Ông Nguyễn Lành – 85 tuổi, nghệ nhân gốm Làng gốm Thanh Hà, Khối phố Nam Diêu, Tổ 24, Phường Thanh Hà, TP. Hội An ngày 15 tháng Giêng năm 2016.

⁸ Phỏng vấn anh Huỳnh Sướng 47 tuổi – Nghệ nhân làng mộc Kim Bồng, thôn Trung Hà, xã Cẩm Kim, TP. Hội An, tỉnh Quảng Nam, ngày 06 tháng Giêng năm 2016.

Người đứng làm lễ là những nghệ nhân lớn tuổi trong làng.

Để chuẩn bị cho lễ tế Tổ, những ngày cuối năm trước, các bô lão trong làng đã nhóm họp, chọn người làm chánh tế, phụ tế (*tả hữu phân hiến*) cũng như phân công phụ nữ, trai tráng trong làng lo công tác hậu cần chu đáo để lễ tế được diễn ra tốt đẹp.

Đến ngày mùng 6 tháng Giêng, từ sáng sớm, mọi người đã có mặt tại đình làng để chuẩn bị lễ vật, sắp đặt lễ vật lên các hương án. Trong lúc đó, vị chánh tế, các vị tả hữu phân hiến trong lễ phục truyền thống áo dài khăn đóng đi kiểm tra, đôn đốc mọi người lo hoàn tất công việc chuẩn bị.

Vào khoảng 9 giờ sáng, sự chuẩn bị đã xong, bà con đến dự lễ đông đủ và cũng là giờ tốt vì lúc này thủy triều đang dâng nên lễ tế được bắt đầu tại hương án tế cáo trời đất, cô hồn ở bên trong bình phong của sân đình. Bàn cúng trời đất được đặt cao hơn, ngoài lễ vật chung là hương đèn hoa quả, cau trầu, thuốc, trà rượu, lễ vật đặc biệt gồm có đầu heo, gà luộc nguyên con, giấy tiền vàng bạc và bản văn tế. Bàn cúng âm linh đặt thấp hơn một chút, bên cạnh các lễ vật thông thường được nêu ở trên, còn có thêm một đĩa cháo loãng, xôi, chè, một mâm giấy tiền vàng bạc, áo giấy, bánh ngũ sắc, gạo muối, hạt nãi để cúng riêng cho cô hồn. Đặc biệt tại hương án còn có một đĩa rau lang luộc, một chén mắm cái để cúng chúa Chàm – chủ nhân bản địa của mảnh đất này.

Lễ tế diễn ra theo trình tự 3 tuần Sơ hiến, Á hiến, Chung hiến lễ. Bắt đầu lễ là trống chiêng được gióng ba hồi dài, nhạc lễ được tấu lên, vị chánh tế sau khi làm nghi thức kiểm tra lễ vật; rửa, lau tay thì đến đứng trước hương án, đèn hương được thắp lên, trà rượu đầy ly, chánh tế dâng hương cáo lễ và quỳ lạy, kết thúc phần sơ lễ. Đến phần á hiến lễ (phần quan trọng nhất), trà rượu được rót tiếp, các vị chánh tế lại quỳ trước bàn thờ thỉnh văn tế xuống để xướng văn tế. Văn tế do người xướng lễ đọc. Nội dung là nhân ngày xuân đầu năm bà con làm lễ tế xuân, giỗ Tổ nghề, nay xin lễ vật cáo yết trời đất, cung thỉnh các vị thần,

mời các vị cô hồn dự hưởng, chứng giám và cầu mong các vị phù hộ dân làng được an bình trong năm mới. Đọc xong văn tế chánh tế quỳ thi lễ, làm thủ tục hoá vàng, vãi gạo muối cho thần linh, cô hồn. Đồng thời bên trong người xướng hô lễ tất, chuông trống gióng ba hồi dài có lại dùi và nhạc tấu hồi kết, vị chánh tế lạy 3 lạy. Sau đó thì các vị trong ban tế lễ, nhạc lễ, phụ trách chiêng trống lần lượt lạy trước hương án. Lễ tế âm linh – cô hồn kết thúc vào khoảng 10 giờ.

Tiếp đến, lễ lại được diễn ra trong nội thất đình Tiên hiền, đây là lễ tế chính: tế Tổ nghề mộc Kim Bồng. Lễ tế cũng được diễn ra theo tuần tự sơ, á, chung hiến lễ với những nghi thức lễ truyền thống đã nêu ở phần trên do các vị chánh tế, tả hữu phân hiến thi hành trong sự hỗ trợ của người xướng. Ban nhạc lễ, người đánh chiêng trống. Trong không khí nghi ngút khói hương tràn đầy sự giao cảm giữa con người với thế giới tâm linh, các vị trong ban tế lễ quỳ trước hương án tổ nghề, văn tế được xướng lên tế cáo về sự tri ân đối với các vị thần của nghề nghiệp: Cừ Thiên Huyền nữ (vị thần của của bách nghệ), Lỗ Ban, Lỗ Bốc (hai vị thần tổ của nghề mộc), Lịch đại Tiên sư, các vị tiên hiền của làng đồng thời là tổ nghề mộc của làng và các vị thần cai quản làng xóm là Thanh Hoàng, Thổ địa, Ngũ Hành đã nâng đỡ cho làng mộc Kim Bồng được phát triển, các thợ mộc vững tay nghề, an toàn trong sản xuất, chế tác. Đồng thời cầu mong các vị thần linh phò trợ cho toàn thể bà con trong làng mộc một năm nhiều việc làm, an toàn, may mắn. Kết thúc lễ tế, người dân trong làng lần lượt quỳ lạy, khấn cáo trước án thờ Tổ nghề cầu mong Tổ nghề phù hộ để những dự định tốt đẹp của riêng bản thân được hoàn thành trong năm.

Có thể nói, Lễ tế tổ nghề mộc Kim Bồng là một hoạt động tín ngưỡng đặc trưng, thu hút được đông bà con làng mộc tham gia thể hiện sự phát triển của làng nghề mộc không chỉ ở quy mô sản xuất mà còn ở những sinh hoạt văn hoá tinh thần. Lễ hội này cũng phản ánh đặc trưng sự kết hợp cầu an, tế xuân, tế các vị thần cai quản làng xã với Tổ nghề ở

một số làng nghề của Hội An. Qua lễ hội này, minh chứng tinh thần tri ân tiền nhân, tôn trọng thế giới tự nhiên trong sản xuất, sinh hoạt của người dân làng mộc, góp phần làm phong phú thêm đời sống tín ngưỡng người Việt ở Quảng Nam.

“Bản thân nghề mộc gắn liền với sinh hoạt tín ngưỡng của làng, bởi vì ông bà tổ tiên – người sáng lập ra làng này đồng thời là người mang nghề mộc đến với làng. Bởi vậy, cúng tổ nghề chính là cúng Tiền hiền”⁹.

3. Giá trị của tín ngưỡng người Việt trong đời sống tinh thần ở Quảng Nam

3.1. Phản ánh tâm tư, nguyện vọng của con người trong đời sống

Xét về bản chất, tín ngưỡng là một hình thái biểu thị niềm tin của con người, của cộng đồng người ở một trình độ phát triển xã hội về cái thiêng liêng, cái cao cả, cái đáng sùng kính trong thế giới người hoặc thế giới siêu nhiên nào đó.

Trong mối quan hệ hữu cơ khi nghiên cứu đời sống tín ngưỡng người Việt, không thể tách rời tín ngưỡng với lễ hội. Theo PGS.TS Nguyễn Tri Nguyên: *“Lễ hội và tín ngưỡng là mối quan hệ giữa nguyên nhân và hiện tượng, giữa nội dung và hình thức, giữa chuẩn mực, giá trị và biểu tượng, giữa tín ngưỡng và sinh hoạt văn hoá cộng đồng”*. Ông cũng trích dẫn quan điểm của Nhà nghiên cứu Lê Hồng Lý đã cho rằng, *“Kèm theo các tín ngưỡng thờ tổ tiên, thờ Thành hoàng, đạo Mẫu, tín ngưỡng nông nghiệp, ... là các lễ hội dân gian... Đó là những sinh hoạt văn hoá cộng đồng mang đậm tính chất tín ngưỡng của người Việt qua các thời đại”¹⁰.*

Thực tế, hoạt động của lễ hội bao giờ cũng liên quan mật thiết với hệ thống quan niệm về thời gian: thời gian vũ trụ, thời gian sinh học, thời gian lịch sử và thời gian tâm lý (còn gọi thời gian tâm linh). Trong sự tụ hội của bốn phạm trù thời gian

đó, lễ hội được tổ chức. Bởi vậy, các nghi thức trong hành trình lễ hội thường diễn ra ở thời điểm vào mùa. Thông qua lễ hội, nguyện ước của con người được tỏ bày. Họ mong cầu tổ tiên, các lực lượng siêu nhiên trợ giúp cho mùa màng tươi tốt, mưa thuận gió hòa sức khỏe, làm ăn may mắn, thịnh vượng, cuộc sống cá nhân, gia đình hạnh phúc, cộng đồng an bình, sung túc.

Qua phỏng vấn tất cả người trong cuộc trong các lễ hội thực hành tín ngưỡng của người Việt ở Quảng Nam, chúng tôi đã chứng minh được nhận định này là hoàn toàn chính xác.

“Làng gốm Thanh Hà một năm có hai ngày cúng tổ nghề tại đình chung của làng. Đình này gồm 3 lã, một lã thờ tiền hiền, một lã thờ cô hồn và một lã thờ tổ nghề. Ngày 10 tháng Giêng hàng năm là ngày cúng tế tổ trước khi ra quân. Vào ngày này, ngày xưa muốn bắt đầu một năm làm ăn thì phải dự lễ tế tổ nghề xong mới được làm gì thì làm. Còn bây giờ, vào ngày này mọi người dân trong làng cũng tham gia rất đông đủ, họ dự lễ, cầu cúng tổ tiên một năm sức khỏe, làm ăn may mắn”¹¹.

3.2. Đề cao giáo dục nhân quả - nhớ ơn tổ tiên, tổ nghề, âm linh

Như đã phân tích ở phần trên, tín ngưỡng và lễ hội có mối quan hệ mật thiết với nhau. Lễ hội là sự biểu hiện thành một dạng thức cụ thể cho những giá trị niềm tin của mọi loại hình tín ngưỡng. Thực chất, tất cả mọi lễ hội cổ truyền đều hướng về nguồn. Đó là nguồn gốc tự nhiên của con người, nơi mà từ đó con người được sinh ra và nay vẫn là một bộ phận hữu cơ; nguồn cội cộng đồng như dân tộc, đất nước, xóm làng, tổ tiên, ... Có thể nói, hướng về nguồn đã trở thành tâm thức của con người Việt Nam – *“uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ người trồng cây”*. Thông qua lễ hội, con người truyền đạt tình cảm, đạo lý và khát vọng cho nhau và đồng thời còn là dịp để con người giao hoà

⁹ Phỏng vấn anh Huỳnh Sướng 47 tuổi – Nghề nhân làng mộc Kim Bồng, thôn Trung Hà, xã Cẩm Kim, TP. Hội An, tỉnh Quảng Nam, ngày 06 tháng Giêng năm 2016.

¹⁰ Nguyễn Tri Nguyên (2004), tr.32.

¹¹ Trích phỏng vấn Ông Nguyễn Lành – 85 tuổi, nghề nhân gốm Làng gốm Thanh Hà, Khối phố Nam Diêu, Tổ 24, Phường Thanh Hà, TP. Hội An. (15 tháng Giêng năm 2016).

vời quá khứ và hiện tại, qua đó con người củng cố thêm sức mạnh cộng đồng và thể hiện sự tôn kính của mình đối với tạo hoá và tổ tiên cội nguồn của mình.

3.3. Cốt kết sức mạnh cộng đồng

Tín ngưỡng nói chung trong đó tín ngưỡng thờ tổ nghề là một dạng thức tâm linh gắn bó lâu đời với các cộng đồng người Việt trong tiến trình lịch sử ở vùng đất Quảng Nam. Thông qua thực hành tín ngưỡng, biểu hiện được sự đoàn kết, sự cố kết bền chặt trong các mối quan hệ xã hội trong cộng đồng.

Khi thực hành tín ngưỡng, con người có những quan hệ thân mật và sự giao tiếp phóng khoáng; con người được tái sinh bằng sự tái hoà nhập cộng đồng. Những quan hệ tương như đã cũ được đổi mới trong những buổi lễ lễ, lễ hội. Khi tham dự tế lễ, sẽ xoá đi sự xa lạ, lạnh lùng bởi cái thường nhật lặp đi lặp lại trong quan hệ giữa con người với nhau. Bởi vậy, nhiều cung bậc tình cảm, như tình làng xóm, tình đồng bào, tình phường hội, tình thân tộc và tình cảm bạn bè, nhờ vào không khí tế lễ, hội hè, cũng có thêm sắc thái mới. Nhờ vậy, dường như mỗi con người đều tự cảm thấy mình đang được trở về với chính mình, mình đích thực là con người giữa cộng đồng.

4. Kết luận

Sau khi đã phân tích và làm rõ các loại hình tín ngưỡng liên quan đến nghề nghiệp của người Việt ở Quảng Nam chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

Thứ nhất, các loại hình tín ngưỡng được hình thành và phát triển trong tiến trình người Việt vào vùng đất Quảng Nam khai hoang, lập nghiệp. Bên cạnh những yếu tố kế thừa từ văn hóa, lịch sử người Việt từ ngoài Bắc mang vào, người Việt

cũng đã hài hòa trong sử dụng những giá trị văn hóa của cư dân bản địa – cư dân gốc Chăm để làm cho tín ngưỡng của mình mang tính nhân văn sâu sắc.

Thứ hai, trong thực hành tín ngưỡng thể hiện qua phần lễ lễ, phần lớn các tín ngưỡng đều có những điểm chung trong quy trình thực hiện phần tế lễ. Buổi lễ bao giờ cũng trải qua 02 giai đoạn: Lễ túc yết diễn ra trước, nhằm báo cáo với các vị thần linh, tổ tiên...mục đích của buổi lễ, lễ vật chủ yếu là đồ chay, các thủ tục cúng vẫn diễn ra đầy đủ ở các bàn thờ. Lễ chính/chánh diễn ra sau, trong buổi lễ chính bao giờ cũng phải thực hiện đủ 03 giai đoạn: sơ hiến (rót rượu lần 01), á hiến (rót rượu lần 02), chung hiến (rót rượu lần 03 và cáo lễ). Lễ vật của buổi lễ chính gồm cả đồ chay và mặn, thường có heo quay để tạ ơn và đặc biệt là Long chu – thuyền rồng bằng giấy để cho vào đó đồ phóng sinh rồi thả xuống dòng sông gần nhất mong cầu sự sẻ chia giữa người sống và thế giới người quá cố. Trong cả hai phần lễ, sự tham gia của nhân dân rất nhiệt tình, đàn ông lo việc lễ, đàn bà lo việc đi chợ, bếp núc.

Thứ ba, việc thực hành tín ngưỡng không chỉ thể hiện được tâm lý cầu an mà còn thể hiện được lòng thành kính tổ tiên, tổ nghề, âm linh – những người mà theo họ là luôn chở che, phù hộ cho cuộc sống của người dân mọi lúc, mọi nơi. Thông qua thực hành tín ngưỡng, sức mạnh cộng đồng được nâng cao. Qua thực tế khảo sát, chúng tôi nhận thấy, nơi nào càng thực hành nhiều tín ngưỡng, nơi đó có sự cố kết cộng đồng rất mạnh mẽ và cuộc sống bình yên hơn.

Forms of belief relating Vietnamese people's occupations in Quang Nam and their values in the current life

- Le Thu Huyen
- Tran Thi Ngoc Ny

Ha Noi University of Home Affairs, Central Region Campus

ABSTRACT:

The paper analyzes forms of belief relating Vietnamese people's occupations in Quang Nam, Vietnam. These are beliefs related to agriculture, to fisheries and to craft system (carpentry, pottery). By describing the

characteristics of belief, we clarify the impact of belief concerning occupations on the spiritual life of the people of Quang (Quảng in Vietnamese) in general.

Keywords: forms, values, belief, Vietnamese, Quang Nam

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Tư liệu Lê Thu Huyền điền dã tháng 11/2015; 02, 03/2016 tại địa điểm nghiên cứu.
- [2]. Trần Văn An (2013), *Tín ngưỡng dân gian ở Hội An*, trích từ <http://www.hoianheritage.org.vn>.
- [3]. Phùng Tấn Đông (1998), “Hát bả trạo cầu ngư, một nhu cầu văn hóa tâm linh”, Tạp chí *Văn hóa Quảng Nam*, Số 08.
- [4]. Hội Dân tộc học Thành phố Hồ Chí Minh (2014), *Nhân học và cuộc sống*, Nxb ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- [5]. Nguyễn Xuân Hương (2009), *Tín ngưỡng cư dân ven biển Quảng Nam – Đà Nẵng* (Hình thái, đặc trưng và giá trị), Nxb Từ điển Bách khoa & Viện Văn hóa, Hà Nội.
- [6]. Nguyễn Xuân Hương (2011), “Tín ngưỡng thờ tổ tiên ông bà tại Quảng Nam – Đà Nẵng”, Bài đăng trong Hội thảo Quốc tế “Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên trong xã hội đương đại (Nghiên cứu trường hợp tín ngưỡng thờ Hùng Vương ở Việt Nam)”, tổ chức vào ngày 10 tháng 03 năm 2011, tại Đền Hùng, Phú Thọ”.
- [7]. Nguyễn Thanh Lợi (2012), *Tục thờ cô hồn biển ở Nam Trung Bộ*, Tạp chí *Phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng*, số 27. Trích từ <http://www.vanhoahoc.vn/nguyen-cuu/van-hoa-viet-nam/van-hoa-to-chuc-doi-song-tap-the/556-nguyen-tri-nguyen-ban-chat-va-dac-trung-tin-nguong-dan-gian.html>
- [8]. Nguyễn Tri Nguyên (2004), “Bản chất và đặc trưng tín ngưỡng dân gian trong lễ hội cổ truyền Việt Nam”, T/c *Di sản*, Số 7. <http://quangduc.com>
- [9]. Nguyễn Minh San (1994), *Tiếp cận tín ngưỡng dân dã Việt Nam*, Nxb Văn hóa Dân tộc.
- [10]. Sở văn hóa Thông tin Quảng Nam (2001), *Văn hóa Quảng Nam những giá trị đặc trưng*, Kỷ yếu Hội thảo 2001.

- [11]. Sở văn hóa Thông tin Quảng Nam (2004), *Phong tục – tập quán – lễ hội Quảng Nam*, 324tr.
- [12]. Trung tâm quản lý bảo tồn di tích (2008), *Lễ lệ lễ hội Hội An*, Ấn phẩm kỉ niệm 09 năm Đô thị cổ Hội An được công nhận là Di sản văn hóa thế giới.
- [13]. Ngô Đức Thịnh (2001), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội
- [14]. Phan Thị Yến Tuyết (2014), *Đời sống xã hội – kinh tế văn hóa của ngư dân và cư dân vùng biển Nam Bộ*, Nxb ĐH Quốc gia TP Hồ Chí Minh.
- [15]. Đặng Nghiêm Vạn (2001), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, tr.71.